

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 – PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2026/HNGĐ - ST

Ngày 25 - 8 - 2026

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 -PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Kim Văn Quang và ông Trần Văn Học

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Anh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 – Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Đoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 – Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 141/2026/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2026 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 205/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trịnh Thị N, sinh năm 2003; CCCD số 025303012193; Địa chỉ: Thôn Y, xã T, tỉnh Phú Thọ, “có mặt”.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Phương N1, sinh năm 2000; CCCD số 026200000483; Nơi ĐKKHKT: Thôn Y, xã T, tỉnh Phú Thọ. Hiện đang chấp hành án tại Trại giam S, Cục C Bộ C1. “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 02 năm 2026 và những lời khai tiếp theo tại tòa nguyên đơn chị Trịnh Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Phương N1 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã T, tỉnh Phú Thọ) vào ngày 16/11/2021. Sau khi kết hôn thì chị về chung sống cùng anh N1 và gia đình anh N1. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau đó thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Kể từ tháng 03/2024 đến nay thì ly thân và không còn liên lạc với nhau và hiện chị đã về nhà mẹ đẻ ở thôn Y, xã T, tỉnh Phú Thọ sinh sống. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh N1 nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N1.

Về con chung: Quá trình chung sống hai vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Việt A, sinh ngày 21/5/2022. Hiện nay, cháu Việt A đang ở cùng với chị. Ly hôn, chị đề nghị giữ nguyên việc nuôi con như hiện nay và không yêu cầu anh N1 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Phương N1 vắng mặt tại phiên tòa xong tại biên bản lấy lời khai ngày 09 tháng 7 năm 2026, anh trình bày: Anh xác nhận thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn, quá trình chung sống, nguyên nhân mẫu thuẫn, thời gian sống ly thân như chị N trình bày là đúng. Nay anh xác định không còn tình cảm với chị N nên chị làm đơn xin ly hôn anh thì anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống anh và chị N có 01 con chung là Nguyễn Việt A, sinh ngày 21/5/2022. Hiện nay, cháu Việt A đang ở cùng với chị N. Ly hôn, anh đồng ý giao con cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng và tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Anh không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Ngoài ra anh N1 trình bày do hiện nay anh đang phải chấp hành án phạt tù 07 năm, nên anh không về Tòa án làm việc được, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng mối quan hệ có tranh chấp, xác định đúng tư cách đương sự, lập hồ sơ vụ án, cho các đương sự trình bày đầy đủ, lập biên bản giao nhận các văn bản tố tụng, tổng đạt thông báo thụ lý, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, giao hồ sơ cho Viện kiểm sát đảm bảo thời gian đúng quy định, việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng cũng được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận cho chị Trịnh Thị N được ly hôn anh Nguyễn Phương N1.

Về con chung: Giao cho chị Trịnh Thị N được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Việt A, sinh ngày 21/5/2022. Anh N1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở, gây khó khăn.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Trịnh Thị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Do bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Y, xã T, tỉnh Phú Thọ nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân khu vực 10 – Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hiện nay, anh Nguyễn Phương N1 đang đi chấp hành án nên không đến Tòa án để tham gia hòa giải. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải theo quy định tại khoản 2 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh N1 đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt anh N1 theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về hôn nhân: Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai của các đương sự và lời khai tại phiên tòa của nguyên đơn thể hiện. Việc kết hôn giữa chị Trịnh Thị N và anh Nguyễn Phương N1 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã T, tỉnh Phú Thọ). Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh N1 là hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị có thời gian chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Từ tháng 03 năm 2024, chị N đã về nhà mẹ đẻ chị ở và vợ chồng sống ly thân nhau từ đó đến nay. Quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa chị Trịnh Thị N vẫn giữ quan điểm xin ly hôn anh Nguyễn Phương N1. Về phía anh N1 quá trình giải quyết vụ án anh trình bày anh cũng nhất trí với yêu cầu ly hôn của chị Trịnh Thị N. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa hai anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích để xây dựng gia đình âm no, hạnh phúc không đạt được, anh N1 cũng nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Trịnh Thị N được ly hôn anh Nguyễn Phương N1. Ý kiến về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung: Chị Trịnh Thị N và anh Nguyễn Phương N1 có 01 con chung cháu Nguyễn Việt A, sinh ngày 21/5/2022. Hiện nay cháu Việt A đang ở với chị N. Quá trình giải quyết vụ án chị N đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Việt A và anh N1 có quan điểm đồng ý cho chị N nuôi dưỡng cháu Việt A. Hội đồng xét xử thấy rằng hiện tại cháu Việt A đang ở ổn định cùng chị N và chị N đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hơn nữa anh N1 hiện phải đi chấp hành án phạt tù 07 năm. Do đó Tòa án giao cháu Việt A cho chị N nuôi dưỡng là có

căn cứ, đảm bảo quyền lợi, sự phát triển ổn định của cháu. Do đó đề nghị của nguyên đơn cần được chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết

[4] Về tài sản: Chị Trịnh Thị N và anh Nguyễn Phương N1 đều không đề nghị nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Trịnh Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Cho chị Trịnh Thị N được ly hôn anh Nguyễn Phương N1.

2. Về con chung: Giao cho chị Trịnh Thị N được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Việt A, sinh ngày 21/5/2022. Anh N1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở, gây khó khăn.

3. Về án phí: Chị Trịnh Thị N phải chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0002675 ngày 02 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Hoàn trả cho chị Trịnh Thị N số tiền 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Đương sự có mặt quyền kháng cáo bản trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 10 – Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- Ủy ban nhân dân xã Tam Hồng;
- Lưu HS + VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trường Sơn